

Số: 04/2025/QĐST-KDTM

Hà Trung, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1 (M1);

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại:

Ông Lương Viết T1 - Cán bộ Xử lý nợ;

Ông Hoàng Ngọc T2 - Cán bộ Xử lý nợ;

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc trung tâm T4 và Xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị H - Cán bộ Xử lý nợ;

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T5 (Công ty T5);

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T3 - Giám đốc;

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T3 - sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về Hợp đồng:

1.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) - Chi nhánh T6 và Công ty Cổ phần T5 (Công ty T5) có ký kết và thực hiện các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ lần 1 số: THA/22495/01 (Ký điện tử theo HĐ LD2227202192) ngày 29/09/2022;

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo:

+ Khế ước nhận nợ số 230523-8991094-ONL-1 (Ký điện tử theo HĐ LD2314300971) ngày 23/05/2023;

+ Khế ước nhận nợ số 230523-8991094-ONL-2 (Ký điện tử theo HĐ LD2314300980) ngày 23/05/2023;

+ Khế ước nhận nợ số 240523-8991094-ONL-3 (Ký điện tử theo HĐ LD2314400617) ngày 24/05/2023;

+ Khế ước nhận nợ số 240523-8991094-ONL-4 (Ký điện tử theo HĐ LD2314301017) ngày 24/05/2023;

+ Khế ước nhận nợ số 250523-8991094-ONL-5 (Ký điện tử theo HĐ LD2314501108) ngày 25/05/2023;

+ Khế ước nhận nợ số 250523-8991094-ONL-6 (Ký điện tử theo HĐ LD2314501580) ngày 25/05/2023.

- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 10/11/2023 (Theo HĐĐT 154-C-693504);

- Hợp đồng thế chấp số THA/23076/HDTC ngày 19/05/2023, số công chứng 4754, quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, lập tại Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa;

- Hợp đồng thế chấp số THA/22495/HDTC ngày 28/09/2022.

1.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) - Chi nhánh T6 và ông Phạm Văn T3 có ký kết và thực hiện Hợp đồng bảo lãnh số THA/23076/HDBL ngày 19/5/2023.

1.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) và Công ty Cổ phần M1 (M1) có ký kết và thực hiện các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER ngày 29/06/2024 và các Phụ lục đính kèm (Phụ lục 01 ngày 29/6/2024, Phụ lục 02 ngày 01/7/2024);

- Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2024/VPB-JUPITER ngày 29/6/2024 và Phụ lục đính kèm (Phụ lục 01 ngày 29/6/2024).

2. Về tổng số tiền nợ: Tính đến ngày 05/6/2025, Công ty T5 còn nợ V1 và Công ty M1 tổng số tiền là 5.600.102.254 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu một trăm linh hai nghìn hai trăm năm mươi tư đồng), trong đó: Nợ gốc: 4.211.113.500 đồng; nợ lãi trong hạn: 56.959.222 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.313.958.697 đồng; nợ lãi chậm trả: 18.070.835 đồng, theo Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 10/11/2023.

3. Về số nợ cụ thể, thời hạn và phương án trả nợ:

3.1. Đối với V1:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER ngày 29/06/2024 và các Phụ lục đính kèm thì V1 sở hữu 10% khoản nợ của Công ty T5, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo.

Tính đến ngày 05/6/2025, Công ty T5 còn nợ V1 tổng số tiền là 536.862.670 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 408.112.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.695.922 đồng; nợ lãi quá hạn: 122.276.632 đồng; nợ lãi chậm trả: 778.115 đồng, cụ thể như sau:

VPBANK 10%					
Số HĐTD	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng VPBank
LD2227202192	8.112.000	1.211.539	670.142	103.589	10.097.269
LD2314300971	97.000.000	1.087.463	29.917.221	163.864	128.168.548
LD2314300980	28.000.000	313.907	8.453.972	47.302	36.815.181
LD2314400617	100.000.000	1.121.096	30.281.370	168.625	131.571.091
LD2314301017	58.000.000	650.236	17.573.194	97.803	76.321.233
LD2314501108	47.500.000	532.521	14.420.383	79.951	62.532.855
LD2314501580	69.500.000	779.162	20.960.350	116.981	91.356.493
Tổng cộng	408.112.000	5.695.922	122.276.632	778.115	536.862.670

Công ty T5 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền nợ 536.862.670 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) chậm nhất vào ngày 20/7/2025.

Công ty T5 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho V1 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, tương ứng với tỷ lệ sở hữu khoản nợ của V1, kể từ ngày 06/6/2025 cho đến ngày Công ty A1 xong hết nợ cho V1.

3.2. Đối với Công ty M1:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER ngày 29/06/2024 và các Phụ lục đính kèm thì Công ty M1 sở hữu 90% khoản nợ của Công ty T5, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm thì Công ty M1 đã mua lại toàn bộ (sở hữu) 100% khoản nợ của Công ty T5 đối với khoản vay theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 10/11/2023.

Tính đến ngày 05/6/2025, Công ty T5 còn nợ Công ty M1 tổng số tiền là

5.063.239.584 đồng (Năm tỷ không trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó: Nợ gốc: 3.803.001.500 đồng; nợ lãi trong hạn: 51.263.299 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.191.682.065 đồng; nợ lãi chậm trả: 17.292.720 đồng, cụ thể như sau:

JUPITER 90%					
Số HĐTD	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng Jupiter
LD2227202192	73.008.000	10.903.849	6.031.276	932.299	90.875.424
LD2314300971	873.000.000	9.787.167	269.254.987	1.474.778	1.153.516.932
LD2314300980	252.000.000	2.825.161	76.085.749	425.715	331.336.625
LD2314400617	900.000.000	10.089.863	272.532.328	1.517.625	1.184.139.816
LD2314301017	522.000.000	5.852.120	158.158.748	880.224	686.891.093
LD2314501108	427.500.000	4.792.685	129.783.450	719.563	562.795.697
LD2314501580	625.500.000	7.012.454	188.643.154	1.052.833	822.208.441
JUPITER 100%					
154-C-693504	129.993.500		91.192.373	10.289.683	231.475.556
Tổng cộng	3.803.001.500	51.263.299	1.191.682.065	17.292.720	5.063.239.584

Công ty T5 phải thanh toán cho Công ty M1 tổng số tiền nợ 5.063.239.584 đồng (Năm tỷ không trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tư đồng) chậm nhất vào ngày 20/7/2025.

Công ty T5 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho Công ty M1 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số THA/22495 ngày 28/09/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: THA/23076 ngày 19/05/2023 và các Khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 10/11/2023, tương ứng với tỷ lệ sở hữu khoản nợ của Công ty M1, kể từ ngày 06/6/2025 cho đến ngày Công ty A1 xong hết nợ cho Công ty M1.

4. Trường hợp Công ty T5 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ theo thỏa thuận nêu trên thì V1 và Công ty M1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 17 (đo vẽ năm 2014); địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 681797, số vào sổ cấp GCN: CT16239, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 02/12/2020, đứng tên Công ty Cổ phần T5, thế chấp tại V1 - Chi nhánh T6 theo Hợp đồng thế chấp số THA/23076/HDTC ngày 19/05/2023, số công chứng 4754, quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, lập tại Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa;

- Tài sản 2: 01 xe ô tô, nhãn hiệu: GIAI PHONG, số loại: DFSK TL; BKS: 36C-408.41, đứng tên Công ty Cổ phần T5, thế chấp tại V1 - Chi nhánh T6 theo Hợp đồng thế chấp số THA/22495/HDTC ngày 28/09/2022.

5. Số tiền Công ty T5 nộp để trả nợ hoặc thu được từ phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán theo tỷ lệ cho V1 và Công ty M1 90% theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán nợ số 03/2024/VPB-JUPITER ngày 29/06/2024 và các Phụ lục đính kèm, thanh toán cho Công ty M1 100% theo Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2024/VPB-JUPITER ngày 29/06/2024 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với Công Ty M1.

6. Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty T5 cho V1 và Công ty M1, thì ông Phạm Văn T3 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T5 toàn bộ số nợ còn lại bao gồm tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan cho V1 và Công ty M1 theo Hợp đồng bảo lãnh số THA/23076/HDBL ngày 19/5/2023 cho đến khi trả hết nợ.

V1 và Công ty M1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Phạm Văn T3 để V1 và Công ty M1 thu hồi nợ.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: V1, Công ty M1 và Công ty T5 tự thỏa thuận về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

8. Về án phí:

- Công ty Cổ phần T5 (Công ty T5) chịu 56.800.051 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn không trăm năm mươi một đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1 (M1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.647.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004897 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Cao Cường